TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 555/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13/5/2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mây;
2. Bà Huỳnh Thị Tuyết Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Bình - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2019/HNST ngày 25 tháng 02 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2019/QĐHPT-ST, ngày 25 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tuyết H, sinh năm 1981 (Vắng mặt).
2. Bị đơn: Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 99/13, Tổ A, Khu phố B, phường C, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 20/02/2019, bản tự khai, các biên bản hòa giải nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết H trình bày:

Bà và ông Trần Ngọc H chung sống với nhau từ năm 2005. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh An Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 100, quyển 01, ngày 09/05/2005.

Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng gần đây đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Nguyên nhân do ông H có người phụ nữ khác ở bên ngoài về nhà kiếm cớ gây gổ với vợ con, không còn quan tâm đến gia đình. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên tháng 11/2018 ông H đã bỏ nhà đi chung sống với người khác. Nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống và hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung

- Trần Thị Ngọc N, sinh ngày 31/01/2006;
- Trần Hạo N, sinh ngày 30/06/2008.

Nếu được ly hôn bà yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, không cần ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Không có.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Trần Ngọc H nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục và tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56, luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: Xét lợi ích mọi mặt của cháu Trần Thị Ngọc N và Trần Hạo N căn cứ khoản 2 Điều 81, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Lê Thị Tuyết H xác định không có nên Tòa án không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn và nuôi con. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đang cư ngụ tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ việc thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân Quận 12.

Nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết H có đơn xin xét xử vắng mặt. Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Trần Ngọc H nhưng ông H đều vắng mặt, không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp đã đủ cơ sở xác định.

[2.1]. Về hôn nhân:

Bà Lê Thị Tuyết H và ông Trần Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 100, quyển 01, do Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 09/5/2005 nên là hôn nhân hợp pháp.

Kết quả xác minh về quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà H tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận 12 thể hiện: "Ông Trần Ngọc H và bà Lê Thị Tuyết H không còn chung sống khoảng 01 năm nay. Từ tháng 11/2018, ông H đã chuyển đi nơi khác ở."

Bà H có đơn xin ly hôn ông H. Ông H và bà H đã không còn chung sống khoảng 01 năm nay. Bà H cho rằng ông H có người phụ nữ khác nên về nhà kiếm cớ gây gỗ với vợ con và không còn quan tâm đến gia đình.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2]. Về con chung: Bà H và ông H có 02 con chung là Trần Thị Ngọc N, sinh ngày 31/01/2006 và Trần Hạo N, sinh ngày 30/06/2008.

Bà H có yêu cầu được trực tiếp cả hai con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Ngày 18/3/2019 tại biên bản lấy lời khai các cháu N và N cho biết nguyện vọng là vẫn muốn bố mẹ chung sống với nhau nhưng nếu bố mẹ không ở được với nhau thì muốn ở với mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy, các cháu N và N đang trong độ tuổi rất cần có sự quan tâm, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định nơi ăn ở, tinh thần, sức khỏe cần giao các cháu N và N cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Lê Thị Tuyết H xác định không có nên Tòa án không giải quyết.

[3]. Về ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tại phiên tòa: Hội đồng xét xử nhận thấy các ý kiến đều phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Yêu cầu của bà Lê Thị Tuyết H được chấp nhận, nên bà H phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 57; Điều 58 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Tuyết H được ly hôn với ông Trần Ngọc H.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật thì giấy chứng nhận kết hôn số 100, quyển 1/99 do Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 09/05/2005 không còn giá trị pháp luật.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Tuyết H và ông Trần Ngọc H có 02 (hai) con chung Trần Thị Ngọc N, sinh ngày 31/01/2006 và Trần Hạo N, sinh ngày 30/6/2008.

Giao cả 02 (hai) con chung Trần Thị Ngọc N và Trần Hạo N cho bà Lê Thị Tuyết H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của ông Trần Ngọc H do bà Lê Thị Tuyết H chưa có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Lê Thị Tuyết H xác định không có nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Tuyết H phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008543 ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Tuyết H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, bổ sung năm 2014;

Nơi nhận:
-TAND TP.HCM;
-VKSND TP.HCM;
-VKSND Q.12;
-CCTHADS Q.12;
-UBND nơi cấp GCN kết hôn;
-Các đương sự;
-Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Minh Hà